



Phụ lục I

HẠN MỨC GIAO ĐẤT Ở CHO CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 75 /2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	HẠN MỨC GIAO ĐẤT Ở CHO CÁ NHÂN
I	CÁC PHƯỜNG CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
1	Phường Hải Châu	100m ²
2	Phường Hòa Cường	150m ²
3	Phường Thanh Khê	150m ²
4	Phường An Khê	
4.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính phường An Khê (cũ)	150m ²
4.2	- Khu vực còn lại	200m ²
5	Phường An Hải	150m ²
6	Phường Sơn Trà	150m ²
7	Phường Ngũ Hành Sơn	
7.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính các phường: Mỹ An, Khuê Mỹ (cũ)	150m ²
7.2	- Các vị trí còn lại	200m ²
8	Phường Hòa Khánh	
8.1	- Vị trí mặt tiền đường Tôn Đức Thắng	150m ²
8.2	- Các vị trí còn lại	200m ²
9	Phường Hải Vân	
9.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính các xã: Hoà Hiệp Bắc, Hoà Hiệp Nam (cũ)	200m ²
9.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
10	Phường Liên Chiểu	
10.1	- Vị trí mặt tiền các đường: Tôn Đức Thắng, Nguyễn Lương Bằng, Âu Cơ	150m ²
10.2	- Các vị trí còn lại	200m ²
11	Phường Cẩm Lệ	200m ²
12	Phường Hòa Xuân	200m ²
13	Phường Tam Kỳ	200m ²
14	Phường Quảng Phú	

14.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính phường An Phú (cũ)	200m ²
14.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
15	Phường Hương Trà	
15.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính các phường: An Sơn, Hòa Hương (cũ)	200m ²
15.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
16	Phường Bàn Thạch	
16.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính các phường: Tân Thạnh, Hòa Thuận (cũ)	200m ²
16.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
17	Phường Điện Bàn	
17.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính phường Vĩnh Điện (cũ)	200m ²
17.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
18	Phường Điện Bàn Đông	200m ²
19	Phường An Thắng	
19.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính phường Điện An (cũ)	200m ²
19.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
20	Phường Điện Bàn Bắc	300m ²
21	Phường Hội An	
21.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính các phường: Minh An, Cẩm Phô, Sơn Phong, Cẩm Nam (cũ)	200m ²
21.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
22	Phường Hội An Đông	
22.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính các phường: Cẩm Châu, Cửa Đại (cũ)	200m ²
22.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
23	Phường Hội An Tây	
23.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính các phường: Thanh Hà, Tân An, Cẩm An (cũ)	200m ²
23.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
II	CÁC XÃ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
1	Xã Hòa Vang	
1.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính xã Hoà Phong (cũ)	200m ²
1.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
2	Xã Hòa Tiến	200m ²
3	Xã Bà Nà	

3.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính xã Hoà Nhơn (cũ)	200m ²
3.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
4	Xã Núi Thành	
4.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Núi Thành (cũ)	200m ²
4.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
5	Xã Tam Mỹ	300m ²
6	Xã Tam Anh	300m ²
7	Xã Đức Phú	300m ²
8	Xã Tam Xuân	300m ²
9	Xã Tây Hồ	300m ²
10	Xã Chiên Đàn	
10.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Phú Thịnh (cũ)	200m ²
10.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
11	Xã Phú Ninh	
11.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính các xã: Tam Dân, Tam Đại (cũ)	300m ²
11.2	- Các vị trí còn lại	400m ²
12	Xã Lãnh Ngọc	300m ²
13	Xã Tiên Phước	
13.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Tiên Kỳ (cũ)	200m ²
13.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
14	Xã Thạnh Bình	300m ²
15	Xã Sơn Cẩm Hà	300m ²
16	Xã Trà Liên	400m ²
17	Xã Trà Giáp	400m ²
18	Xã Trà Tân	400m ²
19	Xã Trà Đốc	400m ²
20	Xã Trà My	
20.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Trà My (cũ)	300m ²
20.2	- Các vị trí còn lại	400m ²
21	Xã Nam Trà My	400m ²
22	Xã Trà Tập	400m ²
23	Xã Trà Vân	400m ²
24	Xã Trà Linh	400m ²
25	Xã Trà Leng	400m ²

26	Xã Thăng Bình	
26.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Hà Lam (cũ)	200m ²
26.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
27	Xã Thăng An	300m ²
28	Xã Thăng Trường	300m ²
29	Xã Thăng Điện	300m ²
30	Xã Thăng Phú	300m ²
31	Xã Đồng Dương	300m ²
32	Xã Quế Sơn Trung	300m ²
33	Xã Quế Sơn	
33.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Đông Phú (cũ)	200m ²
33.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
34	Xã Xuân Phú	300m ²
35	Xã Nông Sơn	300m ²
36	Xã Quế Phước	300m ²
37	Xã Duy Nghĩa	300m ²
38	Xã Nam Phước	
38.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Nam Phước (cũ)	200m ²
38.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
39	Xã Duy Xuyên	300m ²
40	Xã Thu Bồn	300m ²
41	Xã Điện Bàn Tây	300m ²
42	Xã Gò Nổi	300m ²
43	Xã Đại Lộc	
43.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Ái Nghĩa (cũ)	200m ²
43.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
44	Xã Hà Nha	300m ²
45	Xã Thượng Đức	300m ²
46	Xã Vu Gia	300m ²
47	Xã Phú Thuận	300m ²
48	Xã Thanh Mỹ	300m ²
49	Xã Bến Giằng	400m ²
50	Xã Nam Giang	400m ²

51	Xã Đắc Pring	400m ²
52	Xã La Dêê	400m ²
53	Xã La Êê	400m ²
54	Xã Sông Vàng	400m ²
55	Xã Sông Kôn	400m ²
56	Xã Đông Giang	
56.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Praq (cũ)	300m ²
56.2	- Các vị trí còn lại	400m ²
57	Xã Bền Hiên	400m ²
58	Xã Avirong	400m ²
59	Xã Tây Giang	400m ²
60	Xã Hùng Sơn	400m ²
61	Xã Hiệp Đức	
61.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Tân Bình (cũ), trừ các thôn: Bình An, Bình Hòa, Phước Sơn	200m ²
61.2	- Các vị trí còn lại	300m ²
62	Xã Việt An	300m ²
63	Xã Phước Trà	300m ²
64	Xã Khâm Đức	
64.1	- Vị trí thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn Khâm Đức (cũ)	300m ²
64.2	- Các vị trí còn lại	400m ²
65	Xã Phước Năng	400m ²
66	Xã Phước Chánh	400m ²
67	Xã Phước Thành	400m ²
68	Xã Phước Hiệp	400m ²
69	Xã Tân Hiệp	400m ²
70	Xã Tam Hải	300m ²
III	ĐẶC KHU CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
1	Đặc khu Hoàng Sa	300m ²